

QUYẾT ĐỊNH
Quy định về quản lý an toàn trong hoạt động dầu khí

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Dầu khí ngày 18 tháng 12 năm 2013;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương,

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định về quản lý an toàn trong hoạt động dầu khí.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quyết định này quy định về quản lý an toàn trong hoạt động dầu khí, bao gồm: Tìm kiếm, thăm dò, phát triển mỏ, khai thác dầu khí, thu dọn mỏ, tàng trữ, vận chuyển dầu khí, lọc dầu, hóa dầu, chế biến dầu khí kể cả các dịch vụ kỹ thuật phục vụ trực tiếp cho các hoạt động này được tiến hành trên đất liền, vùng biển thuộc chủ quyền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Quyết định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân và cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến các hoạt động dầu khí được tiến hành trên đất liền, vùng biển thuộc chủ quyền nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Công tác an toàn là việc tiến hành các biện pháp về tổ chức và kỹ thuật nhằm ngăn ngừa sự cố, tai nạn để bảo vệ người, môi trường và tài sản.

2. Công trình dầu khí bao gồm các phương tiện nổi, tổ hợp các thiết bị, các kết cấu công trình được xây dựng, trang bị và lắp đặt cố định, tạm thời trên đất liền, vùng biển để phục vụ các hoạt động dầu khí.

3. Cơ quan quản lý có thẩm quyền là Bộ Công Thương, các Bộ và cơ quan ngang Bộ, các cơ quan trực thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan khác theo quy định của pháp luật hoặc theo ủy quyền của Chính phủ.

4. Tổ chức, cá nhân là người điều hành, nhà thầu, cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài điều hành các hoạt động dầu khí.

5. Sự cố là các sự kiện xảy ra không cố ý, gây ra tai nạn hoặc có khả năng gây ra tai nạn.

6. Tai nạn là sự cố gây hậu quả chết người, mất tích, bị thương, gây thiệt hại tài sản hoặc môi trường; làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất tại công trình dầu khí.

7. Rủi ro là sự kết hợp của khả năng xảy ra (tần suất) sự cố, tai nạn và hậu quả của chúng.

8. Đánh giá rủi ro là việc đánh giá các rủi ro tiềm tàng trên cơ sở các mức rủi ro được chấp nhận, đồng thời thiết lập các biện pháp giảm thiểu rủi ro đến mức hợp lý có thể thực hiện được.

9. Phân tích rủi ro là việc xác định và phân loại một cách có hệ thống các rủi ro đối với người, môi trường và tài sản.

10. Hoán cải công trình là việc thay đổi tính năng, kết cấu, công dụng của công trình.

Điều 3. Quy định chung về quản lý an toàn trong hoạt động dầu khí

1. Tổ chức, cá nhân phải đảm bảo tất cả các hoạt động dầu khí được thực hiện một cách an toàn theo các quy định tại Quyết định này và của pháp luật liên quan, kể cả trong trường hợp tổ chức, cá nhân thuê các nhà thầu thực hiện công việc của mình.

2. Người lao động phải tuân thủ các quy định, quy trình để đảm bảo an toàn cho người, thiết bị và bảo vệ môi trường.

Chương II NỘI DUNG, TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN VỀ QUẢN LÝ AN TOÀN

Điều 4. Tài liệu về quản lý an toàn

1. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm xây dựng các tài liệu về quản lý an toàn sau:

- a) Chương trình quản lý an toàn;
- b) Báo cáo đánh giá rủi ro;

c) Kế hoạch ứng cứu khẩn cấp.

2. Chương trình quản lý an toàn gồm các nội dung chính sau:

a) Chính sách và các mục tiêu về an toàn;

b) Tổ chức công tác an toàn, phân công trách nhiệm về công tác an toàn;

c) Chương trình huấn luyện an toàn; yêu cầu về năng lực, trình độ và kinh nghiệm của người lao động;

d) Danh mục các văn bản quy phạm pháp luật, Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia, Tiêu chuẩn Quốc gia, quy định an toàn, các Điều ước Quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc các tiêu chuẩn khác phù hợp với thông lệ công nghiệp dầu khí quốc tế được chấp nhận chung;

đ) Đánh giá sự tuân thủ pháp luật bao gồm các yêu cầu phải thực hiện theo quy định (các giấy phép, giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường...);

e) Quản lý an toàn các nhà thầu.

3. Báo cáo đánh giá rủi ro gồm các nội dung chính sau:

a) Xác định mục đích và các mục tiêu đánh giá rủi ro;

b) Mô tả các hoạt động, các công trình;

c) Xác định, phân tích, đánh giá rủi ro định tính và định lượng;

d) Các biện pháp giảm thiểu rủi ro.

4. Kế hoạch ứng cứu khẩn cấp

Kế hoạch ứng cứu khẩn cấp phải dựa trên kết quả báo cáo đánh giá rủi ro, gồm các nội dung chính sau:

a) Mô tả và phân loại các tình huống khẩn cấp có thể xảy ra;

b) Sơ đồ tổ chức, phân cấp trách nhiệm, trách nhiệm của từng cá nhân, hệ thống báo cáo khi xảy ra sự cố, tai nạn hoặc xuất hiện các tình huống nguy hiểm;

c) Quy trình ứng cứu các tình huống;

d) Mô tả các nguồn lực bên trong và bên ngoài sẵn có hoặc sẽ huy động để ứng cứu hiệu quả các tình huống khẩn cấp;

đ) Địa chỉ liên lạc và thông tin trong ứng cứu khẩn cấp với các bộ phận nội bộ và báo cáo các cơ quan quản lý có thẩm quyền liên quan;

e) Kế hoạch huấn luyện và diễn tập ứng cứu khẩn cấp;

g) Kế hoạch khôi phục hoạt động của công trình bao gồm công tác điều tra, đánh giá nguyên nhân, hậu quả để tái lập và nâng cao mức an toàn của công trình.

Kế hoạch ứng cứu khẩn cấp phải phù hợp với hệ thống ứng cứu khẩn cấp của Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn, địa phương và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (đối với các đơn vị thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, các liên doanh dầu khí và các nhà thầu dầu khí).

Các tổ chức, cá nhân hoạt động dầu khí có thể hợp tác để xây dựng kế hoạch ứng cứu khẩn cấp chung.

5. Những tài liệu được quy định tại Khoản 1 Điều này phải được xây dựng, gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) xem xét và trình Bộ Công Thương chấp thuận trước khi tiến hành các hoạt động dầu khí, xây dựng mới, hoán cải, thu dọn công trình dầu khí khi kết thúc khai thác hoặc kết thúc dự án.

Đối với những hoạt động dầu khí do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, đơn vị thuộc Tập đoàn và các nhà thầu dầu khí (Tập đoàn Dầu khí Việt Nam là một bên ký hợp đồng dầu khí) phải chuẩn bị tài liệu gửi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam xem xét trước khi trình Bộ Công Thương chấp thuận.

Đối với tổ chức, cá nhân khác có hoạt động dầu khí, chuẩn bị tài liệu trực tiếp trình Bộ Công Thương chấp thuận.

6. Chấp thuận các tài liệu về quản lý an toàn

a) Yêu cầu về hồ sơ

- Văn bản đề nghị chấp thuận do thủ trưởng đơn vị ký (theo Mẫu số 01 của Phụ lục kèm theo Quyết định này);

- 03 (ba) bộ tài liệu về quản lý an toàn theo quy định tại Khoản 1 Điều này (bằng tiếng Việt) do thủ trưởng đơn vị ký;

- Hồ sơ được gửi trực tiếp đến Bộ Công Thương hoặc qua bưu điện.

b) Hội đồng thẩm định

Bộ Công Thương quyết định thành lập Hội đồng thẩm định các tài liệu về quản lý an toàn. Số lượng thành viên của Hội đồng phụ thuộc vào đặc điểm, tính chất và quy mô của các hoạt động dầu khí, nhưng tối thiểu phải có 07 người.

c) Trình tự thẩm định

- Hội đồng thẩm định tổ chức xem xét sự phù hợp, tính chính xác của nội dung trong các tài liệu. Trường hợp cần thiết, Hội đồng có thể xem xét thực tế tại công trình;

- Lập biên bản họp thẩm định (theo Mẫu số 02 của Phụ lục kèm theo Quyết định này);

- Căn cứ biên bản họp thẩm định, Bộ Công Thương có thể gửi công văn đến tổ chức, cá nhân đề nghị chấp thuận yêu cầu hiệu chỉnh, bổ sung để làm rõ các nội dung trong tài liệu (theo Mẫu số 03 của Phụ lục kèm theo Quyết định này). Trong công văn đề nghị nêu rõ các nội dung cần hiệu chỉnh, bổ sung;

- Lập Báo cáo kết quả thẩm định và trình Bộ trưởng Bộ Công Thương xem xét, quyết định chấp thuận (theo Mẫu số 04 của Phụ lục đính kèm theo Quyết định này);

- Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm định Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định chấp thuận các tài liệu (theo Mẫu số 05 của Phụ lục kèm theo Quyết định này).

d) Thời gian thẩm định

- Thời gian thẩm định: 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày Bộ Công Thương nhận được đủ tài liệu hợp lệ;

- Thời gian ban hành Quyết định chấp thuận: 05 (năm) ngày làm việc sau khi có báo cáo kết quả thẩm định.

Điều 5. Hệ thống quản lý an toàn

1. Tổ chức, cá nhân phải xây dựng, duy trì và phát triển hệ thống quản lý an toàn đảm bảo mọi hoạt động dầu khí đều được lập kế hoạch, tổ chức, triển khai, duy trì theo các yêu cầu tại Quyết định này và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Hệ thống quản lý an toàn phải đảm bảo kiểm soát các rủi ro trong toàn bộ quá trình hoạt động từ khâu thiết kế, chế tạo, xây dựng, lắp đặt, chạy thử, vận hành và thu dọn công trình.

3. Hệ thống quản lý an toàn phải được cập nhật thường xuyên; các thông tin cập nhật phải được phổ biến cho người lao động có liên quan.

4. Nội dung chính của hệ thống quản lý an toàn, gồm:

a) Chính sách, mục tiêu về an toàn, môi trường lao động và chương trình, kế hoạch thực hiện các mục tiêu đó;

b) Danh mục cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;

c) Các yêu cầu cụ thể nhằm thực hiện các quy định pháp luật về an toàn và môi trường lao động, gồm:

- Các quy trình vận hành, xử lý sự cố và bảo trì công trình, máy, thiết bị;
 - Các quy định an toàn; biển báo an toàn cho dây chuyền, máy, thiết bị, vật tư, hóa chất, các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn; quản lý lưu giữ tài liệu và báo cáo;
 - Quản lý, kiểm tra, kiểm định, chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho công trình, máy, thiết bị, hóa chất nguy hiểm theo quy định;
 - Huấn luyện về an toàn;
 - Yêu cầu về kỹ năng chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp với vị trí công việc;
 - Đánh giá kết quả thực hiện chương trình quản lý an toàn và các giải pháp hoàn thiện, nâng cao chất lượng quản lý an toàn.
- d) Hệ thống tổ chức công tác an toàn: Phân cấp trách nhiệm, thực hiện nhiệm vụ, các kênh báo cáo;
- đ) Quản lý nhà thầu: Năng lực về quản lý an toàn, sức khỏe, môi trường của các nhà thầu phải được kiểm soát đảm bảo phù hợp với hệ thống quản lý an toàn của tổ chức, cá nhân;
- e) Mọi sự thay đổi về tổ chức, kỹ thuật, công nghệ và các yêu cầu khác có ảnh hưởng tới mức độ rủi ro phải được tổ chức, cá nhân cập nhật, đánh giá và kiểm soát nhằm bảo đảm hệ thống quản lý an toàn được thực hiện liên tục, thống nhất.

Điều 6. Quản lý rủi ro

1. Tổ chức, cá nhân bảo đảm mọi rủi ro phải được xác định, phân tích, đánh giá đối với tất cả công trình, dây chuyền, máy, thiết bị, hóa chất, vật liệu nguy hiểm.

2. Công tác quản lý rủi ro, gồm:

a) Đánh giá rủi ro định tính và định lượng đối với các giai đoạn hoạt động dầu khí, trên cơ sở đó, triển khai các biện pháp nhằm kiểm soát, giảm thiểu các rủi ro và chứng minh các rủi ro nằm trong mức rủi ro chấp nhận được theo Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia do Bộ Công Thương ban hành;

b) Báo cáo đánh giá rủi ro phải được cập nhật định kỳ 5 năm/lần hoặc khi có hoán cải, thay đổi lớn về công nghệ vận hành và tổ chức, nhằm tạo cơ sở để đưa ra các quyết định liên quan đến an toàn trong hoạt động dầu khí;

c) Tổ chức, cá nhân phải xác định các vị trí, các điều kiện cụ thể có rủi ro cao cần phải quan tâm về mặt an toàn khi tiến hành hoạt động để có các biện pháp giảm thiểu.

Điều 7. Ứng cứu khẩn cấp

1. Tổ chức, cá nhân phải xây dựng và duy trì hệ thống ứng cứu khẩn cấp để các biện pháp ứng cứu cần thiết được tiến hành có hiệu quả khi xảy ra các sự cố, tai nạn gây nguy hại cho người, môi trường hoặc tài sản. Tùy theo mức độ của sự cố, tai nạn mà tổ chức, cá nhân phải thông báo cho cơ quan quản lý có thẩm quyền theo quy định.

2. Kết quả của việc đánh giá rủi ro được sử dụng làm số liệu đầu vào để tổ chức công tác ứng cứu khẩn cấp.

3. Việc luyện tập và diễn tập xử lý các tình huống khẩn cấp tại các công trình phải được tiến hành thường xuyên. Căn cứ kết quả đánh giá rủi ro để xác định hình thức và tần suất luyện tập. Kết quả luyện tập, diễn tập phải được đánh giá và ghi chép để hoàn thiện kế hoạch ứng cứu khẩn cấp.

4. Những người lần đầu tiên đến công trình phải được hướng dẫn chi tiết về tổ chức ứng cứu khẩn cấp, các trang thiết bị và các lối thoát nạn.

Điều 8. An toàn lao động và môi trường lao động

Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm:

1. Lập kế hoạch an toàn hàng năm theo quy định.

2. Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo vệ cho người lao động và có biện pháp cải thiện điều kiện lao động một cách có hệ thống.

3. Thông báo cho người lao động kết quả đo, kiểm tra môi trường lao động và biện pháp khắc phục đối với vị trí có thông số giám sát vượt tiêu chuẩn cho phép.

4. Báo cáo kết quả giám sát môi trường lao động hàng năm cho cơ quan quản lý cấp trên (nếu có), tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi tổ chức đặt trụ sở.

5. Đáp ứng các quy định của pháp luật Việt Nam về điều kiện, môi trường lao động cũng như các Điều ước Quốc tế mà Việt Nam là thành viên nhằm bảo đảm an toàn và bảo vệ sức khỏe người lao động.

Điều 9. Quản lý sức khỏe người lao động

Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm:

1. Khám sức khỏe cho người lao động khi mới tuyển dụng và định kỳ trong quá trình làm việc nhằm theo dõi tình trạng sức khỏe, bệnh nghề nghiệp, bảo đảm người lao động có sức khỏe phù hợp với công việc.

2. Khám phát hiện bệnh nghề nghiệp đối với người lao động làm việc trong điều kiện có nguy cơ mắc bệnh nghề nghiệp.

3. Lập và lưu giữ hồ sơ sức khỏe, quản lý bệnh nghề nghiệp cho đến khi người lao động thôi việc, nghỉ hưu hoặc khi chuyển đến cơ sở lao động khác.

Điều 10. Quản lý các hóa chất và vật liệu nguy hiểm

Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm:

1. Hạn chế tối đa việc sử dụng các hóa chất và vật liệu nguy hiểm khi tiến hành hoạt động dầu khí.

2. Xác định và kiểm soát chặt chẽ các hóa chất, vật liệu nguy hiểm được sử dụng, tàng trữ, sản xuất hoặc xử lý tại nơi làm việc, đồng thời đảm bảo cho những người thực hiện các công việc liên quan đến các hóa chất, vật liệu nguy hiểm được đào tạo về nhận thức các mối nguy hiểm, kỹ năng làm việc an toàn với các hóa chất và vật liệu nguy hiểm đó.

3. Lập phiếu an toàn hoá chất, vật liệu nguy hiểm và tài liệu hướng dẫn ứng phó, các trang thiết bị sơ cấp cứu phù hợp tại nơi làm việc của người lao động.

4. Bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy các hóa chất, vật liệu nguy hiểm hợp lý và an toàn, tuân thủ các quy định có liên quan.

5. Thông báo cho công chúng và cơ quan quản lý có thẩm quyền về vị trí, thời gian trước khi tiến hành các hoạt động địa chấn có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trên đất liền và ở vùng biển gần bờ.

Điều 11. Trình độ chuyên môn của người lao động

Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm:

1. Đặt ra các yêu cầu về trình độ chuyên môn và kinh nghiệm nghề nghiệp của người lao động đối với các vị trí công tác có tầm quan trọng về mặt an toàn.

2. Bảo đảm người lao động được huấn luyện an toàn phù hợp với công việc được giao.

Điều 12. Huấn luyện an toàn

Tổ chức, cá nhân phải bảo đảm:

1. Người làm công tác quản lý, công tác an toàn và người lao động được huấn luyện, kiểm tra về an toàn và cấp Giấy (hoặc Sổ) chứng nhận huấn luyện an toàn.



2. Việc huấn luyện về an toàn được thực hiện khi tuyển dụng (lần đầu) và định kỳ ít nhất một lần trong một năm.

3. Thực hiện quản lý, xây dựng nội dung, tổ chức huấn luyện, kiểm tra và cấp Giấy (hoặc Sổ) chứng nhận huấn luyện an toàn.

4. Nội dung chính huấn luyện

a) Đối với người làm công tác quản lý

- Quy định của pháp luật, quy định về an toàn, phòng cháy và chữa cháy;
- Các nội dung cơ bản về an toàn kỹ thuật chuyên ngành trong phạm vi quản lý;
- Tổ chức quản lý và thực hiện các quy định về an toàn;
- Các yếu tố nguy hiểm, có hại trong sản xuất và biện pháp phòng ngừa, loại trừ và khắc phục;
- Kế hoạch ứng cứu khẩn cấp.

b) Đối với người làm công tác an toàn

- Nội dung như với người làm công tác quản lý;
- Nghiệp vụ tổ chức thực hiện công tác an toàn tại cơ sở;
- Biện pháp tổ chức và kỹ thuật để đảm bảo an toàn khi làm việc;
- Quy định về an toàn đối với công trình, dây chuyền, máy, thiết bị, hóa chất, vật liệu nguy hiểm thuộc phạm vi quản lý;
- Cách sử dụng, bảo quản, kiểm tra trang thiết bị an toàn, phương tiện, dụng cụ làm việc thuộc phạm vi quản lý (bao gồm cả thiết bị phòng cháy chữa cháy);
- Phương pháp cơ bản cấp cứu người bị nạn.

c) Đối với người lao động

Nội dung huấn luyện phải phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm, thâm niên công tác, chuyên môn và vị trí của người lao động, gồm:

- Quy trình vận hành, xử lý sự cố, quy định an toàn đối với máy, thiết bị, hóa chất, vật liệu nguy hiểm trong phạm vi làm việc;
- Cách nhận biết các yếu tố nguy hiểm, có hại trong sản xuất và biện pháp phòng ngừa, loại trừ, khắc phục;

- Cách sử dụng, bảo quản, kiểm tra trang thiết bị an toàn, phương tiện, dụng cụ làm việc phù hợp với vị trí công việc (bao gồm cả thiết bị phòng cháy và chữa cháy);

- Phương pháp cơ bản cấp cứu người bị nạn;

- Quy trình ứng cứu khẩn cấp phù hợp vị trí công việc và cứu hộ, thoát nạn; cách sử dụng các thiết bị cứu hộ cứu nạn trong tình huống khẩn cấp.

5. Thời gian huấn luyện

a) Huấn luyện lần đầu

- Đối với người làm công tác quản lý, thời gian huấn luyện ít nhất 12 (mười hai) giờ, bao gồm cả thời gian kiểm tra;

- Đối với người làm công tác an toàn, thời gian huấn luyện ít nhất 16 (mười sáu) giờ, bao gồm cả thời gian kiểm tra;

- Đối với người lao động, thời gian huấn luyện ít nhất 16 (mười sáu) giờ, bao gồm cả thời gian kiểm tra.

b) Huấn luyện định kỳ: Được thực hiện định kỳ ít nhất một lần trong năm. Thời gian huấn luyện bằng một nửa thời gian huấn luyện lần đầu.

c) Huấn luyện lại: Được thực hiện khi có các thay đổi vị trí làm việc, thay đổi công nghệ, khi người lao động nghỉ việc từ sáu tháng trở lên, hoặc khi kiểm tra không đạt yêu cầu. Thời gian huấn luyện ít nhất 12 (mười hai) giờ, bao gồm cả thời gian kiểm tra.

6. Người huấn luyện: Có trình độ đại học trở lên phù hợp với chuyên ngành huấn luyện và có ít nhất 5 năm kinh nghiệm công tác trong chuyên ngành đó.

Chương III **AN TOÀN VỀ THIẾT KẾ, XÂY DỰNG** **CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ**

Điều 13. Yêu cầu chung

1. Công trình dầu khí phải được thiết kế, chế tạo, xây dựng theo Tiêu chuẩn Quốc gia, Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia và các Điều ước Quốc tế mà Việt Nam là thành viên; trường hợp chưa có quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật Việt Nam, tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động dầu khí được áp dụng thông lệ công nghiệp dầu khí quốc tế được chấp nhận chung, bảo đảm các yêu cầu sau:

- a) An toàn về công nghệ;
- b) An toàn về xây dựng;
- c) An toàn về phòng chống cháy nổ;
- d) Vùng và hành lang an toàn;
- đ) Các quy định về bảo vệ môi trường;
- e) Chịu được các tải trọng dự kiến trong quá trình vận hành và khi xảy ra sự cố;
- g) Không tạo ra sự cố dây chuyền từ sự cố đơn lẻ.

2. Trước khi chọn giải pháp thiết kế công trình dầu khí, tổ chức, cá nhân phải:

- a) Đưa ra ý tưởng tổng thể về vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa trong suốt quá trình hoạt động;
- b) Xác định các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật sẽ được áp dụng cho xây dựng công trình;
- c) Tiến hành đánh giá, phân tích rủi ro để làm cơ sở cho việc lựa chọn các giải pháp thiết kế đối với việc bố trí, lựa chọn các bộ phận và toàn bộ công trình;
- d) Khi thiết kế phải đánh giá môi trường lao động để tối ưu hóa các điều kiện về môi trường lao động trong quá trình vận hành.

Điều 14. Vị trí công trình

1. Công trình dầu khí phải bảo đảm khoảng cách an toàn đối với các công trình khác, kể cả đèn biển, tín hiệu hàng hải, đường cáp điện cao thế, đường cáp trục thông tin và hệ thống đường ống theo quy định.
2. Công trình dầu khí phải được trang bị các tín hiệu cần thiết như ánh sáng, âm thanh, màu sắc để các phương tiện giao thông khác có thể dễ dàng nhận biết được trong đêm tối hoặc điều kiện thời tiết xấu.
3. Đối với công trình dầu khí nằm trong vùng nước cảng biển hoặc vùng nước hàng hải phải tuân thủ các quy định pháp luật về hàng hải.

Điều 15. Phân vùng nguy hiểm đối với công trình

1. Công trình dầu khí phải được phân chia thành các vùng theo mức độ rủi ro.

2. Các bộ phận chức năng trọng yếu của công trình dầu khí như “Phòng điều khiển trung tâm” phải được bố trí ở ngoài vùng nguy hiểm. Trường hợp không thể bố trí ngoài vùng nguy hiểm, phải có các giải pháp an toàn bổ sung để đảm bảo các bộ phận này có thể hoạt động được cho đến khi người vận hành rời bỏ công trình.

3. Nhà ở trên công trình biển phải được bảo vệ và cách ly với các khu vực khoan, khai thác và xử lý dầu khí.

Điều 16. Hệ thống thiết bị an toàn

1. Các hệ thống khoan, khai thác, xử lý, chế biến dầu khí, bao gồm cả hệ thống đường ống, phải được trang bị hệ thống thiết bị an toàn và hệ thống dừng hoạt động khẩn cấp (hệ thống thiết bị an toàn). Hệ thống thiết bị an toàn phải có khả năng phát hiện các sự cố hoặc tình trạng làm việc không bình thường và phải có khả năng ngăn ngừa, hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra.

2. Hệ thống thiết bị an toàn phải được kiểm định, kiểm tra và bảo trì nghiêm ngặt để đảm bảo tính sẵn sàng hoạt động.

3. Việc xác định vị trí các thiết bị của hệ thống thiết bị an toàn phải dựa trên cơ sở đánh giá rủi ro. Các van đóng khẩn cấp cần được bố trí bảo đảm giảm tối đa hậu quả sự rò rỉ có thể xảy ra.

Điều 17. Thoát hiểm

Công trình dầu khí phải có lối thoát hiểm và trang bị đầy đủ thiết bị cứu hộ, cứu nạn, biển báo, dấu hiệu để bảo đảm cho việc sơ tán người được an toàn theo quy định.

Điều 18. Công tác phòng cháy và chữa cháy

1. Công tác phòng cháy và chữa cháy phải được thực hiện theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.

2. Công trình dầu khí phải được thiết kế, trang bị hệ thống phát hiện cháy, báo cháy, rò rỉ khí cháy, hệ thống báo động và hệ thống chữa cháy phù hợp để hạn chế đến mức thấp nhất khả năng xảy ra sự cố cháy, nổ và hậu quả của chúng.

Điều 19. Xây dựng công trình

1. Công trình dầu khí phải được xây dựng theo thiết kế đã được phê duyệt. Mọi thay đổi có thể ảnh hưởng đến mức độ an toàn của công trình so với thiết kế phải giải trình và được cơ quan đã phê duyệt thiết kế chấp thuận.

2. Việc chế tạo, xây dựng và lắp đặt công trình dầu khí phải được kiểm tra, chứng nhận bởi cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật để khẳng định sự phù hợp với các Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia, Tiêu chuẩn Quốc gia, các Điều ước Quốc tế mà Việt Nam là thành viên và các tiêu chuẩn khác phù hợp với thông lệ dầu khí quốc tế được chấp nhận chung.

3. Tổ chức, cá nhân phải thực hiện quản lý chất lượng công trình theo quy định của pháp luật.

4. Tổ chức, cá nhân phải bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy trong quá trình thi công công trình.

Điều 20. Đưa công trình vào vận hành

1. Trước khi đưa công trình vào vận hành, tổ chức, cá nhân phải tiến hành chạy thử.

2. Đối với công trình dầu khí nằm trong vùng nước cảng biển hoặc vùng nước hàng hải, trước khi đưa công trình vào vận hành, sử dụng, tổ chức, cá nhân phải thiết lập hành lang an toàn xung quanh công trình. Hành lang an toàn này phải được chỉ dẫn bằng các báo hiệu hàng hải phù hợp và phải được thể hiện trên hải đồ vùng nước cảng biển hoặc hải đồ khu vực. Hành lang an toàn hàng hải phải được thông báo hàng hải theo quy định.

3. Trước khi chạy thử, tổ chức, cá nhân phải tiến hành các công việc kiểm tra, kiểm định, thử nghiệm đối với từng hạng mục công trình và phải bảo đảm kế hoạch ứng cứu khẩn cấp, công tác phòng cháy và chữa cháy đã sẵn sàng được triển khai theo quy định.

4. Trong quá trình chạy thử, tổ chức, cá nhân phải áp dụng các biện pháp tăng cường nhằm sẵn sàng ứng cứu kịp thời và có hiệu quả các sự cố, tai nạn có thể xảy ra.

5. Công trình chỉ được đưa vào vận hành sau khi kết quả kiểm tra, kiểm định, thử nghiệm công trình và các nội dung an toàn đáp ứng được các yêu cầu đề ra.

Chương IV AN TOÀN VỀ VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ

Điều 21. Yêu cầu chung

1. Tổ chức, cá nhân phải xây dựng và duy trì các quy định cần thiết để tiến hành các hoạt động dầu khí một cách an toàn.

2. Trong quá trình vận hành, các quy định này phải được chấp hành nghiêm cũng như xem xét, hiệu chỉnh, bổ sung kịp thời hoặc khi có sự thay đổi điều kiện vận hành.

Điều 22. Quản lý vận hành và bảo trì công trình

1. Trước khi vận hành công trình, tổ chức, cá nhân phải ban hành các quy trình vận hành, quy trình xử lý sự cố và quy trình bảo trì cho máy, thiết bị, công trình. Các quy trình này phải được phổ biến, huấn luyện cho người lao động và lưu giữ tại công trình.

2. Trước và trong quá trình vận hành, tổ chức, cá nhân phải kiểm tra, kiểm định, thử nghiệm thiết bị, máy, công trình theo quy định. Các thiết bị cứu hộ cứu nạn phải được kiểm tra, thử nghiệm để đảm bảo khả năng sẵn sàng hoạt động trong tình huống khẩn cấp.

3. Tổ chức, cá nhân phải tiến hành sửa chữa và thay thế kịp thời các thiết bị hỏng hóc trên công trình nhằm đảm bảo an toàn cho con người, môi trường và công trình.

4. Tổ chức, cá nhân phải dừng ngay các hoạt động nếu các hoạt động này có thể gây nguy hiểm đối với con người, môi trường và công trình.

Điều 23. Thông tin liên lạc

Công trình dầu khí có người làm việc thường xuyên phải được trang bị các thiết bị thông tin cố định và di động để liên lạc nội bộ, liên lạc với đất liền, tàu thuyền, máy bay trong quá trình hoạt động bình thường và trong tình huống khẩn cấp bất kỳ thời gian nào.

Điều 24. Khoan và các công việc về giếng khoan

1. Trước khi tiến hành khoan và triển khai các hoạt động tại giếng khoan, tổ chức, cá nhân phải ban hành các hướng dẫn đối với các hoạt động này. Các hướng dẫn đó phải bao gồm toàn bộ về công tác an toàn, các quy trình, các vấn đề về tổ chức và phân công trách nhiệm.

2. Đặc tính kỹ thuật của các thiết bị phục vụ cho hoạt động, bảo trì giếng khoan phải được thể hiện trong các quy trình về vận hành, bảo trì và phải kèm theo các thông số giới hạn làm việc của các thiết bị này.

3. Các hoạt động khoan, vận hành giếng khoan phải luôn luôn được tiến hành một cách an toàn và phù hợp với các quy trình đặt ra. Phải áp dụng các biện pháp phòng tránh phun trào, thoát các chất ra khỏi giếng.

Điều 25. Đóng và hủy giếng

1. Khi chưa hoặc không tiếp tục sử dụng giếng khoan, các biện pháp đóng hoặc hủy giếng phải được thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Khi đóng giếng vĩnh viễn, tất cả các thiết bị ở vùng biển nước sâu, không ảnh hưởng đến hoạt động hàng hải và môi trường được để lại theo thông lệ công nghiệp dầu khí quốc tế được chấp nhận chung và quy định của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam.

3. Khi thu hồi đầu giếng, không được dùng vật liệu nổ để cắt các ống chống. Trường hợp đặc biệt, cho phép cắt bằng vật liệu nổ chuyên dụng sau khi được cơ quan quản lý có thẩm quyền về vật liệu nổ cho phép.

Điều 26. Hoán cải công trình

Trước khi hoán cải công trình, phải tiến hành đánh giá rủi ro và môi trường lao động để lựa chọn phương án hoán cải. Việc hoán cải công trình không được làm giảm mức độ an toàn và những yêu cầu đối với môi trường lao động. Việc hoán cải công trình phải tuân thủ các Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia, Tiêu chuẩn Quốc gia, các Điều ước Quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc các tiêu chuẩn khác phù hợp với thông lệ công nghiệp dầu khí quốc tế được chấp nhận chung.

Điều 27. Các hoạt động lặn và hoạt động dưới biển

1. Khi tiến hành các hoạt động lặn, tổ chức, cá nhân phải bảo đảm mọi hoạt động lặn được tiến hành một cách an toàn và do người được đào tạo, có sức khỏe phù hợp thực hiện. Trong quá trình tiến hành các hoạt động lặn công tác cứu hộ, cấp cứu phải luôn ở trạng thái sẵn sàng hoạt động.

2. Trước khi tiến hành các hoạt động dưới biển, tổ chức, cá nhân phải chuẩn bị kế hoạch, trong đó mô tả quá trình tiến hành công việc, các thiết bị sẽ được sử dụng và các biện pháp an toàn sẽ được áp dụng.

Điều 28. Vận chuyển người và hàng hóa

1. Tổ chức, cá nhân phải cung cấp các phương tiện cần thiết và an toàn để vận chuyển người, hàng hóa.

2. Hàng hóa, thiết bị, nguyên vật liệu phải có nhãn hiệu rõ ràng để phân biệt các loại hàng hóa, thiết bị, nguyên vật liệu và ghi rõ các thông tin về người gửi, nơi gửi và người nhận, nơi nhận.

3. Tổ chức, cá nhân phải tìm kiếm và thu hồi hàng hóa bị thất lạc nếu hàng hóa đó có khả năng gây nguy hiểm cho các hoạt động khác hoặc gây ô nhiễm môi trường và thông báo cho cơ quan quản lý có thẩm quyền.

4. Tổ chức, cá nhân phải ban hành các quy định về điều kiện thời tiết được phép vận chuyển người và hàng hóa. Không được phép sử dụng giỏ để chuyên người tại công trình ngoài khơi trong điều kiện thời tiết xấu.

Điều 29. Cấp phép làm việc

1. Tổ chức, cá nhân phải ban hành quy định cấp phép làm việc bằng văn bản cho các công việc sinh lửa, làm việc trên cao, trong không gian hạn chế, ra vào khu vực nguy hiểm, các công việc ở các vị trí có thể rơi xuống nước và các công việc nguy hiểm khác, đảm bảo áp dụng các biện pháp phù hợp và có sự giám sát liên tục để tránh xảy ra sự cố, tai nạn.

2. Trước khi tiến hành các công việc nguy hiểm và phức tạp chưa được đề cập trong các quy trình hoạt động thông thường, phải thực hiện phân tích, đánh giá mức độ nguy hiểm đối với các công việc đó và áp dụng các biện pháp an toàn phù hợp.

Điều 30. Tàu trực

1. Công trình dầu khí ngoài khơi có người làm việc thường xuyên phải có tàu trực liên tục và đảm bảo ứng cứu kịp thời trong các tình huống khẩn cấp.

2. Các tổ chức, cá nhân có thể phối hợp sử dụng chung tàu trực, phải đảm bảo trực liên tục và ứng cứu kịp thời trong mọi trường hợp khẩn cấp.

Điều 31. Vùng và hành lang an toàn

1. Vùng an toàn xung quanh công trình dầu khí phải được thiết lập và bảo vệ bằng các biện pháp cần thiết.

2. Khoảng cách vùng an toàn đối với các công trình khoan, khai thác ngoài khơi là 500 (năm trăm) m trở ra, tính từ các điểm ngoài cùng của công trình về mọi phía đối với công trình cố định và tính từ vị trí các mỏ neo đối với các công trình di động.

3. Đối với các công trình trên đất liền bao gồm nhà máy chế biến khí, nhà máy lọc, hóa dầu, kho chứa, tuyến ống và các hạng mục khác đi kèm, phạm vi vùng an toàn và hành lang an toàn tuân thủ theo quy định của pháp luật.

4. Trong phạm vi 02 (hai) hải lý tính từ các điểm ngoài cùng của công trình biển và từ hai bên dọc theo tuyến ống, các phương tiện, tàu thuyền không được thả neo, trừ trường hợp các phương tiện phục vụ trực tiếp cho các hoạt động dầu khí.

5. Nghiêm cấm người không có nhiệm vụ xâm nhập và hoạt động trong vùng an toàn, trừ các trường hợp đặc biệt do cơ quan quản lý có thẩm quyền quy định.

Chương V **KIỂM TRA, ĐIỀU TRA VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO**

Điều 32. Kiểm tra an toàn

1. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện kiểm tra an toàn đối với tổ chức, cá nhân hoạt động dầu khí.

2. Việc thành lập Đoàn kiểm tra và công tác kiểm tra an toàn được thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định của pháp luật.

3. Trường hợp phát hiện có sự vi phạm quy định của Quyết định này, Đoàn kiểm tra có quyền đình chỉ tạm thời toàn bộ hay một phần hoạt động dầu khí của tổ chức, cá nhân. Đoàn kiểm tra phải thông báo việc đình chỉ tạm thời đó và kiến nghị phương án xử lý với cơ quan quản lý có thẩm quyền.

4. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi để Đoàn kiểm tra thực hiện nhiệm vụ. Trường hợp kiểm tra an toàn công trình dầu khí trên biển, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bố trí phương tiện giao thông đi và đến, nơi ăn, ở tại công trình trên biển cho Đoàn.

5. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm chấp hành đầy đủ, kịp thời kết luận kiểm tra và yêu cầu khắc phục.

6. Tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại đối với kết luận của Đoàn kiểm tra. Trong khi chưa có kết luận của cơ quan có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân vẫn phải chấp hành kết luận của Đoàn kiểm tra.

Điều 33. Điều tra sự cố, tai nạn

1. Tổ chức, cá nhân tiến hành các hoạt động dầu khí phải thực hiện khai báo, điều tra, thống kê, báo cáo sự cố, tai nạn theo quy định của pháp luật.

2. Trên cơ sở điều tra, tổ chức, cá nhân phải phân tích, xác định nguyên nhân gây nên sự cố, tai nạn, đưa ra các biện pháp khắc phục và phòng ngừa để tránh xảy ra các sự cố, tai nạn tương tự, lặp lại.

Điều 34. Chế độ báo cáo

1. Tổ chức, cá nhân phải thống kê, tổng hợp, lưu giữ các tài liệu và trình nộp, báo cáo theo quy định tại Quyết định này.

2. Trong thời hạn 15 ngày cuối cùng của mỗi quý, các đơn vị thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, các liên doanh dầu khí và các nhà thầu dầu khí phải gửi đến Tập đoàn Dầu khí Việt Nam báo cáo liên quan tới việc thực hiện tài liệu về quản lý an toàn đã được chấp thuận và tình hình sự cố, tai nạn (nếu có). Báo cáo phải đánh giá hiệu quả công tác quản lý an toàn và các biện pháp phòng ngừa để tránh xảy ra sự cố, tai nạn tương tự.

3. Từ ngày 15 đến 31 tháng 12 hàng năm, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, các tổ chức, cá nhân hoạt động dầu khí (trừ các tổ chức, cá nhân quy định tại Khoản 2 Điều này) phải gửi đến Bộ Công Thương báo cáo về công tác quản lý an toàn. Báo cáo, phải đánh giá hiệu quả công tác quản lý an toàn và các biện pháp phòng ngừa để tránh xảy ra sự cố, tai nạn tương tự.

Chương VI **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 35. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Công Thương có trách nhiệm

a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện quản lý nhà nước về an toàn trong hoạt động dầu khí;

b) Hướng dẫn thực hiện Quyết định này;

c) Ủy quyền cho cơ quan quản lý an toàn của Bộ tổ chức thẩm định để chấp thuận các tài liệu về quản lý an toàn theo quy định tại Khoản 6 Điều 4 của Quyết định này;

d) Kiểm tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo về an toàn trong hoạt động dầu khí.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ và cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công Thương thực hiện quản lý nhà nước về an toàn hoạt động dầu khí theo quy định của pháp luật và Quyết định này.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm

Thực hiện quản lý nhà nước về an toàn hoạt động dầu khí tại địa phương theo quy định của pháp luật và Quyết định này.

Điều 36. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 16 tháng 3 năm 2015 và thay thế Quyết định số 41/1999/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế Quản lý an toàn trong hoạt động dầu khí.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động dầu khí tại Việt Nam có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTN (3b). *xh 240*

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng



Phụ lục
BIỂU MẪU CÁC VĂN BẢN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2015/QĐ-TTg
ngày 20 tháng 01 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ)

Mẫu số 01	Công văn đề nghị chấp thuận các tài liệu quản lý an toàn
Mẫu số 02	Biên bản họp thẩm định
Mẫu số 03	Đề nghị đơn vị hoàn thiện hồ sơ
Mẫu số 04	Báo cáo kết quả thẩm định
Mẫu số 05	Quyết định chấp thuận

www.LuatVietnam.vn

Mẫu số 01

TÊN ĐƠN VỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....

..., ngày tháng năm 201...

V/v đề nghị chấp thuận
các tài liệu quản lý an toàn cho
hoạt động (công trình).....

Kính gửi: Bộ Công Thương.

Thực hiện quy định tại Điều 4 Quyết định số /2015/QĐ-TTg
ngày tháng năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định về quản lý an
toàn trong hoạt động dầu khí.

Đề nghị Bộ Công Thương xem xét, chấp thuận tài liệu quản lý an toàn,
cho hoạt động (công trình).....

Tài liệu đính kèm:

- Chương trình quản lý an toàn cho.....;
- Báo cáo đánh giá rủi ro cho.....;
- Kế hoạch ứng cứu khẩn cấp cho...../.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 02

BỘ CÔNG THƯƠNG
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:....

Hà Nội, ngày tháng năm 201...

BIÊN BẢN HỌP THẨM ĐỊNH
Tài liệu về quản lý an toàn

Theo đề nghị của tại Công văn số ... ngày tháng năm 201... về việc đề nghị Bộ Công Thương chấp thuận các tài liệu

Hôm nay, ngày tháng năm 201... tại, Hội đồng thẩm định tiến hành xem xét các tài liệu...

I. THÀNH PHẦN CUỘC HỌP

1. Ông, Chủ tịch Hội đồng;
2. Ông, Thành viên;

Chủ đầu tư:

1. Ông
2. Ông.....

Đơn vị tư vấn lập Báo cáo:

1. Ông
2. Ông.....

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Hội đồng thẩm định kết luận về tài liệu quản lý an toàn của

Hội đồng kiến nghị hoàn thiện các tài liệu theo tại cuộc họp.

Trên cơ sở các tài liệu đã được chỉnh sửa, hoàn thiện, Hội đồng thẩm định sẽ báo cáo Bộ trưởng Bộ Công Thương chấp thuận các tài liệu về quản lý an toàn của...../.

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Mẫu số 03

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BCT-...

Hà Nội, ngày tháng năm 201...

V/v bổ sung, hiệu chỉnh tài liệu

Kính gửi:

Theo đề nghị của tại Công văn số..... ngày... tháng... năm... về việc đề nghị chấp thuận các tài liệu về quản lý an toàn. Sau khi xem xét, Bộ Công Thương đề nghị..... bổ sung:

- (Liệt kê các nội dung cần bổ sung).

-
-

Hồ sơ bổ sung gửi về Bộ Công Thương trước ngày... tháng ... năm.... theo địa chỉ: Bộ Công Thương, 54 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại:

Fax:

Email:/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

TUQ. BỘ TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

BỘ CÔNG THƯƠNG
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BCT-HĐTĐ

Hà Nội, ngày tháng năm 201...

BÁO CÁO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH
Tài liệu ...

Kính gửi: Bộ trưởng Bộ Công Thương.

Bộ Công Thương đã nhận được Công văn số.....ngày... tháng... năm... của..... đề nghị chấp thuận tài liệu quản lý an toàn cho.....

Ngày ... tháng ... năm ..., Hội đồng thẩm định đã tổ chức thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trường của đơn vị (nếu có), đề nghị bổ sung hồ sơ (nếu có), hoàn thiện Báo cáo theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định.

Hội đồng thẩm định báo cáo Bộ trưởng kết quả thẩm định như sau:

I. THÀNH PHẦN TÀI LIỆU

1. Công văn đề nghị chấp thuận của có ý kiến nhận xét của đơn vị quản lý trực tiếp.

2. Tài liệu.....

II. Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

Hội đồng thẩm định tiến hành thẩm định tài liệu...

1. Nội dung thẩm định

.....

2. Kết luận và kiến nghị

Ngày ... tháng ... năm ... đơn vị... đã hoàn thiện tài liệu.... theo kết luận tại cuộc họp thẩm định.... kèm theo Công văn số.....

Hội đồng thẩm định nhất trí đề nghị Bộ trưởng quyết định chấp thuận tài liệu về quản lý an toàn cho công trình của

Kính trình Bộ trưởng xem xét, quyết định chấp thuận./.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 05

BỘ CÔNG THƯƠNG

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-BCT

Hà Nội, ngày tháng năm 201...

QUYẾT ĐỊNH
Chấp thuận tài liệu

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số .../2015/QĐ-TTg ngày.... tháng.... năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định về quản lý an toàn trong hoạt động dầu khí;

Xét đề nghị của tại Công văn số ngày ... tháng năm 201... của về việc đề nghị Bộ Công Thương chấp thuận

Xét Báo cáo của Hội đồng thẩm định số... ngày tháng năm 201...;

Theo đề nghị của,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận tài liệu về quản lý an toàn cho công trình ... của.....

Điều 2. phải thực hiện các đề xuất, kiến nghị trong tài liệu... để đảm bảo an toàn vận hành công trình.....

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Tổng Cục trưởng Tổng cục Năng lượng, Thủ trưởng các đơn vị....., Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

TU. BỘ TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)